**M A TRẬN KIỂM TRA CUỐI HK2 – MÔN CÔNG NGHỆ 11 – NĂM HỌC 2024 – 2025**

**1. Thời điểm kiểm tra**: Tuần 33 của năm học.

**2. Thời gian làm bài:** 45 phút

**3. Hình thức kiểm tra:** *Trắc nghiệm + Tự luận*

**4. Cấu trúc:**

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

- Tổng điểm: 10 điểm, gồm trắc nghiệm và tự luận

**+ Phần I:** (Dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn = TNNLC) gồm 12 câu TNNLC = 3 điểm

**+ Phần II:** (Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai = TNĐS) gồm 4 câu = 4,0 điểm.

*- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;*

**+ Phần III:** Tự luận 2 câu = 3 điểm

**I.Ma trận**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề/Chương** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Tổng** | **Tỉ lệ****%****điểm** |
| **TNKQ** | **Tự luận** |
| *Nhiều lựa chọn* | *“Đúng – Sai”1* | *Trả lời ngắn2* |
| **Biết** | **Hiểu** | **Vận****dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận****dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận****dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận****dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận****dụng** |
| 1 | Chủ đề 1**Phòng trị bệnh cho vật nuôi.** | Một số bệnh phổ biến ở trâu, bò và biện pháp phòng trị |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 10 |
| Ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 5 |
| 2 | Chủ đề 2**Công nghệ chăn nuôi.** | Chuồng nuôi và biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi. | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 15 |
| Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi | 2 | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 17.5 |
| Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VIETGAP | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 12,5 |
|  | Chăn nuôi công nghệ cao |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 10 |
|  | Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi. | 3 | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 20 |
|  | Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. | Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 10 |
| **Tổng số câu** | 8 | 4 |  | 2 | 2 |  |  |  |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
| **Tổng số điểm** | 3,0 | 4,0 |  | 3,0 | 4,0 | 3,0 | 3,0 |  |
| **Tỉ lệ %** | 30 | 40 |  | 30 | 40 | 30 | 30 | 100 |

2

**II. Bản đặc tả đề kiểm tra định kì**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề/Chương** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá** |
|  | **TNKQ** | **Tự luận** |
|  | *Nhiều lựa chọn* | *“Đúng – Sai”* | *Trả lời ngắn* |
|  | **Biết** | **Hiểu** | **Vận****dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận****dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận****dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận****dụng** |
| 1 | Chủ đề 1**Phòng trị bệnh cho vật nuôi** | Một số bệnh phổ biến ở trâu, bò và biện pháp phòng trị | - Biết + Nhận biết được đặc điểm các bệnh ở trâu, bò và biện pháp phòng trị.- Hiểu+ Phân biệt được các đặc điểm cơ bản của một số bệnh phổ biến trên trâu, bò.+ Tóm tắt được một số biện pháp phòng, trị một số bệnh ở trâu, bò.- Vận dụng + Dựa vào mô tả triệu chứng, chẩn đoán được bệnh ở trâu, bò và đề xuất biện pháp phòng, trị. |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. |  - Biết + Nêu một số ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng trị bệnh ở vật nuôi.- Hiểu + Phân tích được đặc điểm của quy trình sản xuất vaccine DNA tái tổ hợp.+ Phân tích được qui trình phát hiện sớm virus gây bệnh ở vật nuôi.- Vận dụng  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chủ đề 2 | Chuồng nuôi và biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi. | - Biết + Nêu được một số yêu cầu chung về chuồng nuôi.+ Nêu được các kiểu chuồng nuôi phổ biến trong chăn nuôi.+ Nêu được đặc điểm các kiểu chuồng nuôi. - Hiểu + Phân tích được đặc điểm chuồng hở trong chăn nuôi gà thịt, bò sữa+ Phân tích được qui trình nuôi dưỡng và chăm sóc lợn thịt dựa vào bảng số liệu- Vận dụng + Dựa vào thực tế, giải thích được tác dụng của việc chọn vị trí đặt chuồng nuôi, hướng chuồng. | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |
| Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi | - Biết + Nhận biết thành phần dinh dưỡng của thức ăn cho gà đẻ trứng.+ Nêu được các nhóm thức ăn trong chăn nuôi bò sữa.+ Nêu được qui trình chăm sóc bò sữa.- Hiểu + Phân tích quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc gà đẻ trứng, lợn thịt.- Vận dụng + Quan sát quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc một loại vật nuôi ở gia đình, địa phương và đề xuất những việc cần thay đổi nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi, đảm bảo đối xử nhân đạo với vật nuôi và bảo vệ môi trường. | 2 | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP | - Biết + Nêu được khái niệm Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP + Kể tên các bước trong qui trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP+ Nêu được các bước trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP- Hiểu + Phân tích được qui trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP.- Vận dụng  | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Chăn nuôi công nghệ cao | - Biết + Nêu được các công nghệ cao ứng dụng trong chăn nuôi. - Hiểu + Phân tích được các mô hình chăn nuôi công nghệ cao.- Vận dụng + Đề xuất được các ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi ở địa phương+ Tìm hiểu những trở ngại khi ứng dụng công nghệ cao ở địa phương. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |
|  |  | Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi. | - Biết + Nêu được một sơ phương pháp, qui trình bảo quản sản phẩm chăn nuôi- Hiểu + Phân tích được qui trình bảo quản sản phẩm chăn nuôi- Vận dụng  | 3 | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. | Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. | - Biết - Hiểu - Vận dụng Xác định được nguyên nhân gây ô nhiễm và giải pháp hạn chế ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |
| **Tổng số câu** |  | 8 | 4 |  | 2 | 2 |  |  |  |  |  |  | 3 |
| **Tổng số điểm** |  | 3,0 | 4,0 |  | 3,0 |
| **Tỉ lệ %** |  | 30 | 40 |  | 30 |

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD-ĐT QUẢNG NAM**TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN**--------------------*(Đề thi có 02 trang)* | **KIỂM TRA CUỐI KÌ II.NĂM HỌC 2024 - 2025MÔN: CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI 11.***Thời gian làm bài: 45 phút(không kể thời gian phát đề)* |
| Họ và tên: .............................................................. | Số báo danh: ........ | **Mã đề 801** |

**TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM).**

**Phần I: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.**

**Câu 1:** Trong quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc gà đẻ trứng, yêu cầu nhiệt độ thích hợp trong chuồng nuôi từ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 25 OC đến 35 OC. |  **B.** 18 OC đến 25 OC. |  **C.** 18 OC đến 35 OC. |  **D.** 25 OC đến 30 OC. |

**Câu 2:** Phát biểu nào sau đây **sai** khi nói về công nghệ sản xuất vaccine DNA tái tổ hợp?

 **A.** Sản xuất bằng cách sử dụng các vi khuẩn, virus gây bệnh đã làm suy yếu hoặc bất hoạt.

 **B.** Ít tốn kém, đơn giản hơn, có thể sản xuất trên quy mô lớn.

 **C.** Vaccine DNA tái tổ hợp có độ an toàn cao.

 **D.** Quy trình tạo vaccine nhanh hơn các loại vaccine thông thường.

**Câu 3:** Chuồng nuôi được thiết kế và xây dựng phù hợp với đặc điểm sinh lí của từng loại vật nuôi là đặc điểm của yêu cầu nào về chuồng nuôi?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Vị trí. |  **B.** Hướng chuồng |
|  **C.** Kiến trúc xây dựng. |  **D.** Nền chuồng. |

**Câu 4:** Trong quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc gà đẻ trứng gồm mấy yêu cầu cơ bản?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 5. |  **B.** 4. |  **C.** 2. |  **D.** 3. |

**Câu 5:** Phát biểu nào sau đây **sai** khi nói về quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc lợn thịt?

 **A.** Cung cấp thức ăn phù hợp với từng giai đoạn phát triển, đặc điểm sinh lí của lợn.

 **B.** Chuồng nuôi lợn thịt thường có nền xi măng hoặc nền xi măng kết hợp lớp độn chuồng.

 **C.** Giai đoạn còn nhỏ cần thức ăn có hàm lượng protein cao hơn so với các giai đoạn sau.

 **D.** Cần tiêm vaccine kịp thời cho lợn khi đã bị bệnh.

**Câu 6:** Quy trình ứng dụng công nghệ để phát hiện sớm virus gây bệnh ở vật nuôi gồm các bước:

**1.** Tách chiết RNA tổng số.

**2.** Điện di kiểm tra sản phẩm PCR.

**3.** Mẫu bệnh phẩm.

**4.** Khuếch đại cDNA bằng phản ứng PCR.

**5.** Tổng hợp cDNA từ RNA nhờ quá trình phiên mã ngược.

Trình tự nào sau đây đúng với quy trình tiến hành?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** 3 → 1 → 5 → 2 → 4. |  **B.** 3 → 1 → 5 → 4 → 2. |
|  **C.** 1 → 3 → 5 → 2 → 4. |  **D.** 1 → 3 → 5 → 4 → 2. |

**Câu 7:** Trong quy trình bảo quản sữa tươi bằng phương pháp thanh trùng, yêu cầu nhiệt độ khi thanh trùng là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** 80 OC đến 85 OC. |  **B.** 70 OC đến 75 OC. |
|  **C.** 140 OC đến 145 OC. |  **D.** 125 OC đến 140 OC. |

**Câu 8:** Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng khi nói về vai trò của chế biến sản phẩm chăn nuôi?

**1.** Nâng cao giá trị dinh dưỡng.

**2.** Tiêu diệt một số mầm bệnh.

**3.** Kéo dài thời gian bảo quản thực phẩm.

**4.** Tăng giá trị kinh tế.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 4 |  **B.** 1 |  **C.** 3 |  **D.** 2 |

**Câu 9:** Trong quy trình sản xuất sữa lên men, tỉ lệ phối trộn sữa : men giống là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 9 : 1. |  **B.** 7 : 3. |  **C.** 3 : 7. |  **D.** 1 : 9 |

**Câu 10:** Chuồng nuôi phải có sơ đồ thiết kế, phải phù hợp với từng lứa tuổi vật nuôi, mục đích sản xuất… thuộc khâu nào trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP?

 **A.** Nuôi dưỡng và chăm sóc.

 **B.** Chuẩn bị chuồng trại và thiết bị chăn nuôi.

 **C.** Quản lí dịch bệnh.

 **D.** Chuẩn bị con giống.

**Câu 11:** Khi xây dựng chuồng hở trong chăn nuôi gà thịt, tường chuồng yêu cầu xây cao khoảng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 80 cm. |  **B.** 800 cm. |  **C.** 500 cm. |  **D.** 50 cm. |

**Câu 12:** Trong quy trình công nghệ sản xuất thịt hộp, tiến hành xử lí hộp bằng nhiệt độ 100-121 oC trong khoảng 15 phút thuộc bước nào của quy trình?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Xử lí nhiệt. |  **B.** Tiệt trùng. |  **C.** Bảo quản. |  **D.** Đóng hộp. |

**Phần II: Trắc nghiệm đúng sai.**

**Câu 1:** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai khi nói về chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP.

**a.** Vị trí xây dựng chuồng trại cần phải xa khu dân cư và đường giao thông tối thiểu 100m.

**b.** Sử dụng thức ăn tùy thuộc vào điều kiện người chăn nuôi.

**c.** Luôn đặt lợi ích của người chăn nuôi lên hàng đầu.

**d.** Là quy trình thực hành chăn nuôi tốt tại Việt Nam.

**Câu 2:** Hiện nay công nghệ bảo quản lạnh được áp dụng rộng rãi để bảo quản các sản phẩm chăn nuôi. Một trong những ứng dụng của công nghệ này là phương pháp bảo quản lạnh. Hãy xác định mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai khi nói về phương pháp bảo quản này.

**a.** Hạ nhiệt độ sản phẩm xuống thấp hơn nhiệt độ đóng băng của nước trong sản phẩm (dưới 0 0C).

**b.** Áp dụng khi cần bảo quản trong thời gian ngắn.

**c.** Áp dụng để bảo quản nhiều loại sản phẩm như sữa, thịt, trứng…

**d.** Nguyên lí dựa trên vai trò của nhiệt độ thấp để bảo quản.

**Câu 3:** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai khi nói về bệnh lở mồm, long móng ở trâu, bò.

**a.** Bệnh truyền nhiễm mạn tính, lây lan nhanh, mạnh.

**b.** Bệnh do vi khuẩn gây ra.

**c.** Sử dụng thuốc kháng sinh và các loại thuốc đặc trị khi trâu, bò bị bệnh.

**d.** Thực hiện kiểm dịch, vệ sinh, tiêu độc chuồng trại, tiêm vaccine để phòng bệnh.

**Câu 4:** Một nhóm học sinh được giao nhiệm vụ tìm hiểu về “Quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc bò sữa”. Sau khi thảo luận đã đưa ra một số nhận định. Em hãy xác định mỗi nhận định sau của các bạn là đúng hay sai.

**a.** Thường được nuôi trong kiểu chuồng kín, theo phương thức chăn nuôi công nghiệp hoặc bán công nghiệp.

**b.** Có thể sử dụng các nguồn thức ăn thô như các loại hạt ngũ cốc, bột ngũ cốc…

**c.** Thời gian chiếu sáng hợp lí cho bò đang vắt sữa là 16 giờ sáng, 8 giờ tối và bò cạn sữa là 8 giờ sáng, 16 giờ tối.

**d.** Tăng cường thời gian vắt sữa để tăng sản lượng.

**TỰ LUẬN (3 ĐIỂM).**

**Câu 1:** Trong chăn nuôi ở gia đình, địa phương em đang sử dụng loại chuồng nuôi nào chủ yếu? Xác định ưu, nhược điểm của loại chuồng nuôi này.

**Câu 2:** Đề xuất một số ứng dụng công nghệ cao phù hợp với thực tiễn chăn nuôi ở địa phương em nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

**Câu 3:** Dựa vào thực tiễn chăn nuôi ở địa phương, em hãy chỉ ra một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường.

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD-ĐT QUẢNG NAM**TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN**--------------------*(Đề thi có 02 trang)* | **KIỂM TRA CUỐI KÌ II.NĂM HỌC 2024 - 2025MÔN: CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI 11.***Thời gian làm bài: 45 phút(không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên: .............................................................. | Số báo danh: ........ | **Mã đề 802** |

**TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM).**

**Phần I: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.**

**Câu 1:** Phát biểu nào sau đây **sai** khi nói về công nghệ sản xuất vaccine DNA tái tổ hợp?

 **A.** Vaccine DNA tái tổ hợp có độ an toàn cao.

 **B.** Sản xuất bằng cách sử dụng các gene mã hóa kháng nguyên thiết yếu của vi sinh vật gây bệnh.

 **C.** Quy trình tạo vaccine lâu hơn các loại vaccine thông thường.

 **D.** Ít tốn kém, đơn giản hơn, có thể sản xuất trên quy mô lớn.

**Câu 2:** Trong quy trình bảo quản sữa tươi bằng phương pháp tiệt trùng, yêu cầu nhiệt độ khi tiệt trùng là:

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** 70 OC đến 75 OC. |  **B.** 80 OC đến 85 OC. |
|  **C.** 125 OC đến 140 OC. |  **D.** 140 OC đến 145 OC. |

**Câu 3:** Có lịch và thực hiện định kì phun thuốc khử trùng, vệ sinh hệ thống cống rãnh… thuộc khâu nào trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP?

 **A.** Chuẩn bị chuồng trại và thiết bị chăn nuôi.

 **B.** Quản lí dịch bệnh.

 **C.** Chuẩn bị con giống.

 **D.** Nuôi dưỡng và chăm sóc.

**Câu 4:** Khi xây dựng chuồng nuôi nên chọn theo hướng nào?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Nam hoặc tây - nam |  **B.** Nam hoặc đông - nam. |
|  **C.** Đông hoặc đông - nam. |  **D.** Tây hoặc tây - nam. |

**Câu 5:** Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng khi nói về vai trò của chế biến sản phẩm chăn nuôi?

**1.** Nâng cao giá trị dinh dưỡng.

**2.** Tiêu diệt một số mầm bệnh.

**3.** Kéo dài thời gian bảo quản thực phẩm.

**4.** Tăng giá trị kinh tế.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 2 |  **B.** 1 |  **C.** 3 |  **D.** 4 |

**Câu 6:** Trong quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc lợn thịt gồm mấy yêu cầu cơ bản?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 3. |  **B.** 5. |  **C.** 2. |  **D.** 4. |

**Câu 7:** Quy trình ứng dụng công nghệ để phát hiện sớm virus gây bệnh ở vật nuôi gồm các bước:

**1.** Tách chiết RNA tổng sô.

**2.** Khuếch đại cDNA bằng phản ứng PCR.

**3.** Mẫu bệnh phẩm.

**4.** Điện di kiểm tra sản phẩm PCR.

**5.** Tổng hợp cDNA từ RNA nhờ quá trình phiên mã ngược.

Trình tự nào sau đây đúng với quy trình tiến hành.

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** 1 → 3 → 5 → 2 → 4. |  **B.** 1 → 3 → 5 → 4 → 2. |
|  **C.** 3 → 1 → 5 → 4 → 2. |  **D.** 3 → 1 → 5 → 2 → 4. |

**Câu 8:** Trong quy trình công nghệ sản xuất thịt hộp, tiến hành làm chín nguyên liệu bằng các biện pháp phù hợp thuộc bước nào của quy trình?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Bảo quản. |  **B.** Tiệt trùng. |  **C.** Đóng hộp. |  **D.** Xử lí nhiệt. |

**Câu 9:** Phát biểu nào sau đây **sai** khi nói về quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc lợn thịt?

 **A.** Cần tiêm vaccine đầy đủ theo đúng qui định.

 **B.** Giai đoạn còn nhỏ cần thức ăn có hàm lượng protein thấp hơn so với các giai đoạn sau.

 **C.** Chuồng nuôi lợn thịt thường có nền xi măng hoặc nền xi măng kết hợp lớp độn chuồng.

 **D.** Cung cấp thức ăn phù hợp với từng giai đoạn phát triển, đặc điểm sinh lí của lợn.

**Câu 10:** Khi xây dựng chuồng hở trong chăn nuôi bò sữa, tường chuồng yêu cầu xây cao khoảng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 80 cm. |  **B.** 500 cm. |  **C.** 50 cm. |  **D.** 800 cm. |

**Câu 11:** Trong quy trình sản xuất sữa lên men, tỉ lệ phối trộn men giống : sữa là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 9 : 1. |  **B.** 7 : 3. |  **C.** 1 : 9 |  **D.** 3 : 7. |

**Câu 12:** Trong quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc gà đẻ trứng, yêu cầu độ ẩm thích hợp trong chuồng nuôi từ

 **A.** 65% đến 80%. **B.** 60% đến 80%. **C.** 60% đến 85%. **D.** 70% đến 90%.

**Phần II: Trắc nghiệm đúng sai.**

**Câu 1:** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai khi nói về chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP.

**a.** Vị trí xây dựng chuồng trại cần phải xa khu dân cư và đường giao thông tối đa 100m.

**b.** Sử dụng thức ăn có nguồn gốc rõ ràng và đảm bảo an toàn.

**c.** Luôn đặt lợi ích của người chăn nuôi lên hàng đầu.

**d.** Là quy trình thực hành chăn nuôi tốt tại Việt Nam.

**Câu 2:** Hiện nay công nghệ bảo quản lạnh được áp dụng rộng rãi để bảo quản các sản phẩm chăn nuôi. Một trong những ứng dụng của công nghệ này là phương pháp bảo quản lạnh đông (cấp đông). Hãy xác định mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai khi nói về phương pháp bảo quản này.

**a.** Hạ nhiệt độ sản phẩm xuống thấp hơn nhiệt độ đóng băng của nước trong sản phẩm (dưới 0 0C).

**b.** Áp dụng khi cần bảo quản trong thời gian ngắn.

**c.** Áp dụng chủ yếu để bảo quản nhiều loại sản phẩm như sữa, thịt, trứng…

**d.** Nguyên lí dựa trên vai trò của nhiệt độ thấp để bảo quản.

**Câu 3:** Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai khi nói về bệnh tụ huyết trùng ở trâu, bò.

**a.** Bệnh truyền nhiễm cấp tính.

**b.** Bệnh do virus gây ra và có sẵn trong cơ thể.

**c.** Sử dụng thuốc kháng sinh và các loại thuốc đặc trị khi trâu, bò bị bệnh.

**d.** Vệ sinh, khử trùng chuồng trại, tiêm vaccine… để phòng bệnh.

**Câu 4:** Một nhóm học sinh được giao nhiệm vụ tìm hiểu về “Quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc bò sữa”. Sau khi thảo luận đã đưa ra một số nhận định. Em hãy xác định mỗi nhận định sau của các bạn là đúng hay sai.

**a.** Thường được nuôi trong kiểu chuồng kín, theo phương thức chăn nuôi công nghiệp hoặc bán công nghiệp.

**b.** Có thể sử dụng các nguồn thức ăn tinh như các loại hạt ngũ cốc, bột ngũ cốc…

**c.** Thời gian chiếu sáng hợp lí cho bò đang vắt sữa là 8 giờ sáng, 16 giờ tối và bò cạn sữa là 16 giờ sáng, 8 giờ tối.

**d.** Tăng cường thời gian vắt sữa để tăng sản lượng.

**TỰ LUẬN (3 ĐIỂM).**

**Câu 1:** Trong chăn nuôi ở gia đình, địa phương em đang sử dụng loại chuồng nuôi nào chủ yếu? Xác định ưu, nhược điểm của loại chuồng nuôi này.

**Câu 2:** Em hãy xác định những trở ngại khi ứng dụng công nghệ cao vào trong chăn nuôi ở địa phương em.

**Câu 3:** Đề xuất một số giải pháp hạn chế ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi ở địa phương em.

**HƯỚNG DẪN CHẤM CÔNG NGHỆ 11**

**Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Mỗi đáp án đúng 0,25 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề\câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **802** | **C** | **C** | **D** | **B** | **D** | **A** | **D** | **D** | **B** | **A** | **C** | **A** |
| **804** | **A** | **B** | **C** | **D** | **A** | **D** | **D** | **B** | **B** | **B** | **C** | **C** |
| **806** | **C** | **C** | **D** | **D** | **D** | **C** | **A** | **B** | **B** |  | **D** | **C** |
| **808** | **D** | **C** | **D** | **C** | **C** | **A** | **A** | **B** | **A** | **C** | **D** |  |

**Trắc nghiệm đúng/sai: Mỗi đáp án đúng 0,25 điểm**

**ĐỀ 801, 805**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** |
| **a** | **Đ** | **S** | **S** | **S** |
| **b** | **S** | **Đ** | **S** | **S** |
| **c** | **S** | **Đ** | **S** | **Đ** |
| **d** | **Đ** | **Đ** | **Đ** | **S** |

**ĐỀ 803, 807**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** |
| **a** | **S** | **S** | **Đ** | **S** |
| **b** | **S** | **S** | **S** | **Đ** |
| **c** | **Đ** | **S** | **S** | **Đ** |
| **d** | **S** | **Đ** | **Đ** | **Đ** |

**ĐỀ 802, 806**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** |
| **a** | **S** | **Đ** | **Đ** | **S** |
| **b** | **Đ** | **S** | **S** | **Đ** |
| **c** | **S** | **S** | **Đ** | **S** |
| **d** | **Đ** | **Đ** | **Đ** | **S** |

**ĐỀ 804, 808**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** |
| **a** | **Đ** | **S** | **S** | **Đ** |
| **b** | **S** | **Đ** | **Đ** | **S** |
| **c** | **Đ** | **S** | **S** | **S** |
| **d** | **Đ** | **Đ** | **S** | **Đ** |

**Tự luận: 3 điểm**

**Đề 801, 803, 805, 807.**

**Câu 1:**

* Thường sử dụng loại chuồng hở (0,25 điểm).
* Ưu, nhược điểm.

+ Ưu điểm: ít tốn kém, phù hợp với chăn nuôi địa phương. (0,25 điểm)

+ Nhược điểm: Khó kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi, khó đảm bảo an toàn sinh học. (0,5 điểm)

**Câu 2:** Một số ứng dụng công nghệ cao.

* Máy thu trứng tự động.
* Máy cho ăn tự động.
* Máy hút sữa tự động.
* Công nghệ tắm rửa cho bò.

Mỗi ý đúng 0,25 điểm

**Câu 3:**

* Chất thải vật nuôi không được xử lý và thải trực tiếp ra môi trường.
* Xác vật nuôi không được chôn đúng qui định.
* Thức ăn thừa đỗ bữa bãi
* Bao bì, chai lọ, dụng cụ thú ý không được xử lí đúng qui định.

Mỗi ý đúng 0,5 điểm.

**Đề 802, 804, 806, 808.**

**Câu 1:**

* Thường sử dụng loại chuồng hở (0,25 điểm).
* Ưu, nhược điểm.

+ Ưu điểm: ít tốn kém, phù hợp với chăn nuôi địa phương. (0,25 điểm)

+ Nhược điểm: Khó kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi, khó đảm bảo an toàn sinh học. (0,5 điểm)

**Câu 2:** Một số trở ngại khi ứng dụng công nghệ cao.

* Chi phí đầu tư lớn.
* Đòi hỏi người lao động có trình độ kĩ thuật cao.

Mỗi ý đúng 0,5 điểm

**Câu 3:**

* Chất thải vật nuôi phải được xử lý trước khi thải ra môi trường.
* Xác vật nuôi được chôn, khử trùng đúng qui định.
* Thức ăn thừa phải được xử lí
* Bao bì, chai lọ, dụng cụ thú ý được xử lí đúng qui định.

Mỗi ý đúng 0,25 điểm.